

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số trường THPT Đình Tiên Hoàng giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Kế hoạch số 545/KH-ĐTH ngày 28/2/2026 của sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị "về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo"; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 – 2030 và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Trường THPT Đình Tiên Hoàng xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 -2030. Cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Xây dựng trường THPT Đình Tiên Hoàng phát triển toàn diện trên nền tảng số; hình thành hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại, an toàn, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn mới.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; bảo đảm 100% giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và quản lý trong môi trường số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; bảo đảm tối thiểu 50% tiết học được triển khai có ứng dụng công nghệ số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị.

Thúc đẩy phát triển, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả học liệu số; từng bước hình thành kho học liệu số dùng chung, phục vụ giảng dạy, học tập và tự học.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục thông qua số



hóa quy trình, dữ liệu và dịch vụ công; hướng tới xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, đồng bộ từ ban giám hiệu, các tổ, các bộ phận liên quan; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong giai đoạn 2026–2030.

Triển khai có lộ trình cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả; gắn với chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hằng năm.

Nội dung, giải pháp phải thiết thực, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

Gắn chuyển đổi số với nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp giáo dục; không chạy theo hình thức, bảo đảm thực chất.

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu của đơn vị theo quy định pháp luật.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong đơn vị giai đoạn 2026-2030, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và chương trình chuyển đổi số của xã, của tỉnh; xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại, lấy người học làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng và công nghệ số làm động lực thúc đẩy đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá; phát triển hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, an toàn, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục số cho người học; góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia và mục tiêu phát triển giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 71 trong giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

(Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

(Phụ lục II kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Tăng cường vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện của các tổ, các bộ phận, đoàn thể trong triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong đơn vị; bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ Ban giám hiệu đến các tổ.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của đơn vị; phân công rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ kết quả đối các tổ và những cá nhân liên quan.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các tổ chuyên môn; bảo đảm trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị.

Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong đơn vị; thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị thông qua hệ thống số và kiểm tra trực tiếp; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân trong đơn vị.

2. Về thể chế, chính sách

Chủ trì tham mưu, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án, văn bản chỉ đạo nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 trong đơn vị.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ của trường phù hợp với mô hình quản trị số, môi trường làm việc điện tử và yêu cầu số hóa toàn diện hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá.

Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng điện tử hóa, số hóa toàn trình; bảo đảm dữ liệu được tạo lập ngay từ đầu ở dạng số, hạn chế tối đa hồ sơ giấy.

Xây dựng cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu trong quản lý và giảng dạy; tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn thực hiện phù hợp thực tiễn.

Ban hành quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu trong đơn vị, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, đồng thời tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch công tác hằng năm, kế hoạch trung hạn của ngành; bảo đảm bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phù hợp, hiệu quả.

3. Về phát triển hạ tầng số

Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin trong đơn vị; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ các tổ, các bộ phận.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng LAN/Wifi, bảo đảm ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý, dạy học và kiểm tra, đánh giá trên môi trường số.

Triển khai sử dụng nền tảng điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu phục vụ lưu trữ, khai thác, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu và tính sẵn sàng cao của hệ thống.

Chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, phòng học Tin học, thiết bị dạy học số theo quy định.

Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai các hệ thống quản trị trường học, nền tảng dạy học trực tuyến, kho học liệu số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy.

Tăng cường giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ lớp hạ tầng; triển khai các hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin theo quy định

4. Về phát triển nhân lực số

Rà soát, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; bảo đảm có đầu mối chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phù hợp.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kỹ năng số, kỹ năng sử dụng hệ thống quản trị, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Nâng cao năng lực sư phạm số cho giáo viên; khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với công nghệ số, học liệu số và môi trường học tập trực tuyến.

Triển khai phong trào nâng cao kỹ năng số trong toàn ngành; phổ cập kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho học sinh.

Gắn kết quả bồi dưỡng, nâng cao năng lực số với đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng hằng năm.

5. Về phát triển dữ liệu số

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, văn bản, học bạ và toàn bộ quy trình nghiệp vụ; bảo đảm dữ liệu được tạo lập ngay từ đầu ở dạng số.

Xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu ngành GDĐT theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”.

Tăng cường khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ quản lý, dự báo, nâng cao chất lượng giáo dục; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý, tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định.

Ban hành và thực hiện quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

6. Về bảo đảm an ninh mạng

Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin của đơn vị; thực hiện đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn theo quy định.

Tăng cường giám sát, cảnh báo sớm và phòng, chống nguy cơ mất an toàn thông tin; thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ, bảo đảm khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố.

Nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo mật thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; tăng cường tuyên truyền về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong công tác bảo đảm an ninh mạng, xử lý kịp thời các sự cố, không để xảy ra mất an toàn thông tin nghiêm trọng tại đơn vị.

7. Về phát triển Chính quyền số

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số, chính quyền số do cấp trên triển khai; bảo đảm kết nối, liên thông thông suốt từ Sở đến đơn vị.

Thực hiện xử lý 95% hồ sơ công việc trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước); tăng cường sử dụng chữ ký số trong trao đổi, giải quyết công việc.

Chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng toàn trình; bảo đảm tái sử dụng dữ liệu, giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết.

Ứng dụng dữ liệu số, công cụ phân tích và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

8. Về phát triển Kinh tế số và Xã hội số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, tuyển sinh và các hoạt động chuyên môn tại đơn vị; nâng cao hiệu quả điều hành dựa trên dữ liệu số.

Triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của ngành giáo dục; phát triển kho học liệu số, giáo trình điện tử, tài nguyên học tập mở phục vụ giáo viên và học sinh.

Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học gắn với môi trường số; thúc đẩy hình thành kỹ năng số, tư duy số cho học sinh, góp phần phát triển nguồn nhân lực số của địa phương.

Tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến; nâng cao mức độ tham gia

của người dân, tổ chức vào môi trường số; thu hẹp khoảng cách số giữa các học sinh, giáo viên được tiếp cận bình đẳng với hạ tầng, nền tảng và dịch vụ giáo dục số.

9. Về nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin

Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong đơn vị.

Tăng cường truyền thông trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của các đơn vị; duy trì chuyên mục chuyển đổi số; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip về hoạt động chuyển đổi số của đơn vị.

Tổ chức hội thảo, tham gia tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng số và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin; lồng ghép nội dung giáo dục an toàn số, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện chuyển đổi số.

Tăng cường phổ biến kiến thức, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin trên môi trường mạng; nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ hệ thống, dữ liệu và thông tin cá nhân.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán hàng năm của cơ đơn vị, địa phương được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng tổ cá nhân phụ trách.
- Chủ động phối hợp với các phòng ban của sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.
- Định kỳ tổng hợp, báo quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

2. Các tổ và đoàn thể, cá nhân phụ trách theo sự phân công theo chức năng nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các thành viên thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ lên ban giám hiệu, đột xuất theo yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của số liệu, thông tin báo cáo.

Đề nghị các Tổ trưởng, Đoàn trưởng, giáo viên, nhân viên triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Các tổ (triển khai thực hiện);
- Đoàn trường (triển khai học sinh);
- Ban giám hiệu (để biết);
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Thông

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYÊN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 100 /KH-ĐTH ngày 18 tháng 8 năm 2026 của trường THPT Đinh Tiên Hoàng)



TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
A	Giai đoạn 2026-2027			
I	Phát triển chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động trong ngành giáo dục và đào tạo			
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của nhà trường	100%	Ban giám hiệu	Tổ văn phòng, các tổ chuyên môn
2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của đơn vị	100%	Ban giám hiệu	Các tổ và bộ phận liên quan
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Ban giám hiệu	Tổ chuyên môn, giáo viên Tin học
I.2	Quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của đơn vị phục vụ Chính phủ số Trung ương đến địa phương, cấp trên được triển khai theo đúng kế hoạch tại đơn vị.	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở, các tổ tại đơn vị.
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở, các tổ tại đơn vị.
3	Tỷ lệ chế độ báo cáo được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định.	100%	Ban giám hiệu	Tổ văn phòng và các tổ chuyên môn
4	Tỷ lệ cán bộ, viên chức trong đơn vị được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở, các tổ tại đơn vị.



TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
II	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số trong ngành giáo dục và đào tạo			
1	Tỷ lệ cán bộ, viên chức trong có chữ ký số	95%	Ban giám hiệu	Viettel, giáo viên, nhân viên
2	Tỷ lệ cán bộ, viên chức trong đơn vị, học sinh giáo dục thường xuyên biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; Đoàn trường
III	Hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá trên môi trường số trong ngành giáo dục và đào tạo			
1	Tỷ lệ dữ liệu tại đơn hoàn thiện hệ quản trị số bảo đảm 100% được quản lý trên môi trường số; dữ liệu toàn ngành được kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; Đoàn trường
2	Tỷ lệ các tổ chuyên môn triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số, bảo đảm 100% người học và giáo viên tham gia hiệu quả hoạt động giáo dục trên môi trường số.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; giáo viên
3	Tỷ lệ văn bản, học bạ thuộc thẩm quyền quản lý được số hóa và quản lý tập trung; hồ sơ, tài liệu lưu trữ có giá trị được chỉnh lý, số hóa theo quy định.	100%	Ban giám hiệu	Tổ văn phòng; các tổ CM; giáo viên
4	Tỷ lệ kho học liệu số dùng chung, bảo đảm đáp ứng tài liệu học tập cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; giáo viên
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực số đáp ứng yêu cầu dạy học và quản trị trong môi trường số	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở; các tổ chuyên môn
6	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cấp và sử dụng chữ ký số xử lý văn bản trao đổi trong ngành trên môi trường điện tử.	100%	Ban giám hiệu	Viettel, giáo viên, nhân viên

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
7	Tỷ lệ trang bị phòng học Tin học đạt chuẩn, hệ thống mạng LAN/WiFi, internet băng thông rộng ổn định phục vụ dạy học và quản lý.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ chuyên môn, tổ VP
8	Tỷ lệ hệ thống thông tin được đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định; dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; Sở GDĐT; các cơ quan cấp trên có liên quan
B	Giai đoạn 2028-2030			
I	Phát triển chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động trong ngành giáo dục và đào tạo			
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của nhà trường	100%	Ban giám hiệu	Tổ văn phòng, các tổ chuyên môn
2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của đơn vị	100%	Ban giám hiệu	Các tổ và bộ phận liên quan
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Ban giám hiệu	Tổ chuyên môn, giáo viên Tin học
I.2	Quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của đơn vị phục vụ Chính phủ số Trung ương đến địa phương, cấp trên được triển khai theo đúng kế hoạch tại đơn vị.	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở, các tổ tại đơn vị.
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở, các tổ tại đơn vị.
3	Tỷ lệ chế độ báo cáo được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định.			

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
4	Tỷ lệ cán bộ, viên chức trong đơn vị được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở, các tổ tại đơn vị.
II	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số trong ngành giáo dục và đào tạo	100%	Ban giám hiệu	Các tổ và bộ phận liên quan
1	Tỷ lệ cán bộ, viên chức trong có chữ ký số	95%	Ban giám hiệu	Viettel, giáo viên, nhân viên
2	Tỷ lệ cán bộ, viên chức trong đơn vị, học sinh giáo dục thường xuyên biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; Đoàn trường
III	Hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá trên môi trường số trong ngành giáo dục và đào tạo			
1	Tỷ lệ dữ liệu tại đơn hoàn thiện hệ quản trị số bảo đảm 100% được quản lý trên môi trường số; dữ liệu toàn ngành được kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; Đoàn trường
2	Tỷ lệ các tổ chuyên môn triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số, bảo đảm 100% người học và giáo viên tham gia hiệu quả hoạt động giáo dục trên môi trường số.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; giáo viên
3	Tỷ lệ văn bản, học bạ thuộc thẩm quyền quản lý được số hóa và quản lý tập trung; hồ sơ, tài liệu lưu trữ có giá trị được chỉnh lý, số hóa theo quy định.			
4	Tỷ lệ kho học liệu số dùng chung, bảo đảm đáp ứng tài liệu học tập cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; giáo viên
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực số đáp ứng yêu cầu dạy học và quản trị trong môi trường số	100%	Ban giám hiệu	Các phòng ban của sở; các tổ chuyên môn
6	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cấp và sử dụng chữ ký số xử lý văn bản trao đổi trong ngành trên môi trường điện tử.	100%	Ban giám hiệu	Viettel, giáo viên, nhân viên

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
7	Tỷ lệ trang bị phòng học Tin học đạt chuẩn, hệ thống mạng LAN/WiFi, internet bằng thông rộng ổn định phục vụ dạy học và quản lý.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ chuyên môn, tổ VP
8	Tỷ lệ hệ thống thông tin được đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định; dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.	100%	Ban giám hiệu	Các tổ; Sở GDĐT; các cơ quan cấp trên có liên quan

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ

TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 100 /KH-DTH ngày 18 tháng 3 năm 2026 của trường THPT Đinh Tiên Hoàng

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Các tổ chức phối hợp phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành				
1	Tăng cường công tác chỉ đạo về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trong đơn vị	Ban giám hiệu	Các tổ, Đoàn trường	Các văn bản chỉ đạo điều hành của trường	Năm 2026 - 2030
2	Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số tại đơn vị; Đảm bảo người đứng đầu các đơn vị là Trưởng ban chỉ đạo về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của đơn vị và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác chuyển đổi số tại đơn vị.	Ban giám hiệu	Các tổ, Đoàn trường; các phòng ban của sở	Các văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất của các đơn vị	Năm 2026 - 2030
3	Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục.	Ban giám hiệu	Các tổ, Đoàn trường, cá nhân phụ trách	Kết quả đánh giá	Năm 2026 - 2030
II	Thể chế, chính sách số				
1	Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số	Ban giám hiệu	Các tổ, Đoàn trường, cá nhân phụ trách	Quyết định; Kế hoạch; văn bản triển khai	Năm 2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Các tổ chức phối hợp phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
III	Phát triển hạ tầng số				
1	Trang bị thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng; hệ thống mạng LAN/Wifi, internet băng thông rộng ổn định phục vụ dạy học và quản lý.	Ban giám hiệu	Các tổ, cá nhân phụ trách	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.	Năm 2026 - 2030
2	Xây dựng; nâng cấp; duy trì các nền tảng số, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo.	Ban giám hiệu	Các tổ, Đoàn trường, cá nhân phụ trách	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.	Năm 2026 - 2030
IV	Phát triển nhân lực số				
1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”	Ban giám hiệu	Các tổ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
V	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có	Dữ liệu tại đơn vị tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Các tổ chức phối hợp phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	tục hành chính trong đơn vị.		liên quan		
2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ đơn vị bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thông nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Ban giám hiệu	Các tổ, cá nhân phụ trách	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VI	Bảo đảm an ninh mạng				
1	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê đối với hệ thống thông tin tại đơn vị	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Báo cáo triển khai	Năm 2026-2030
VII	Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành trung ương triển khai đến đơn vị.	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ và bảo đảm kế hoạch triển khai của các bộ, ngành trung ương	Năm 2026-2030
2	Rà soát, tính hiệu quả triển khai để xây dựng kế hoạch nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo để nâng cao hiệu quả hoạt động;	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Các tổ chức phối hợp phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách đảm bảo tính “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh dựa trên dữ liệu.				
VIII	Kinh tế số và xã hội số				
1	Nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý, giảng dạy, tuyển sinh dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; số hóa tài liệu, giáo trình; triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của đơn vị	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo	Năm 2026-2030
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin				
1	Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng của tỉnh tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/04/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số được truyền thông rộng rãi trên toàn tỉnh	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Các tổ chức phối hợp phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi...				
2	Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
3	Cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên tất cả trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; duy trì hoạt động chuyên mục Chuyển đổi số.	Ban giám hiệu	Các tổ, các phòng ban của sở, các cơ quan cấp trên có liên quan	Báo cáo kết quả truyền thông CDS	Năm 2026-2030